

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 06/4/2023

V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

- Thư ký phiên tòa: Ông **CHIÊM HẢI AN** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh V V L, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 38, đường số 7A, cư xá B T, phường 8, Quận.., thành phố H C M.

Bị đơn: Chị Đ N T, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã P A, huyện C L, tỉnh T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 16/3/2023 nguyên đơn anh V V L trình bày: Anh V V L và chị Đ N T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ đó.

Về con chung: Có 01 con chung tên V Đ M P sinh ngày 18/8/2021 đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay anh V V L yêu cầu được ly hôn với chị Đ N T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Theo tờ tự khai ngày 16/3/2023 bị đơn chị Đ N T trình bày: Thống nhất lời trình bày của anh V V L, chị và anh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân từ đó.

Về con chung: Có 01 con chung tên V Đ M P sinh ngày 18/8/2021 đang sống với chị T.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Đ N T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh V V L, chị T yêu cầu nuôi con chung, anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, bị đơn chị Đ N T cư trú: xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa anh L và chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh V V L và chị Đ N T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh V V L và chị Đ N T trình bày thống nhất, anh, chị xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên anh chị chính thức ly thân từ năm 2021, nay anh L xin ly hôn chị T, chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, anh L và chị T sống chung từ năm 2020 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện cũng như Nhà nước có quy định thời gian đăng ký kết hôn trễ hạn, nhưng anh, chị vẫn không thực hiện, nên căn cứ

Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì anh L, chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Anh V V L và chị Đ N T thống nhất có 01 con chung tên V Đ M P sinh ngày 18/8/2021 đang sống với chị T, anh L và chị T thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh, chị ly thân đến nay, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu Phúc còn nhỏ, mặc khác anh L, chị T thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] **Về cấp dưỡng:** Anh V V L và chị Đ N T thống nhất, anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Phúc trưởng thành (tròn 18 tuổi), đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Anh V V L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh V V L và chị Đ N T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu V Đ M P sinh ngày 18/8/2021 chị Đ N T nuôi dưỡng.

Anh V V L được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh V V L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi cháu V Đ M P trưởng thành (tròn 18 tuổi) lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (06/4/2023).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Anh V V L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017358 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cai Lậy, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẠI LẬY

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc.**
- Các Hội thẩm:

- Các Hôi thăm:

2- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh V V L, sinh năm 1988. (Xin vâng mặt)

Địa chỉ: Số 38, đường số 7A, cư xá B T, phường 8, Quận.. , thành phố H C M.

Bi đơn: Chi ĐINH THI T, sinh năm 1990. (Xin vâng mắt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã P A, huyện C L, tỉnh T G.

Sau khi xem xét các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố

tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử T luận về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

I. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kết quả biểu quyết: 3/3. “Xin ly hôn, con chung”.

II. Về điều luật áp dụng: Kết quả biểu quyết: 3/3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

III. Về nội dung: Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh V V L và chị Đ N T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đình Minh Phúc sinh ngày 18/8/2021 chị Đ N T nuôi dưỡng.

Anh V V L được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh V V L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi cháu cháu Đình Minh Phúc trưởng thành (tròn 18 tuổi) lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (06/4/2023).

4. Về án phí: Anh V V L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017358 ngày 16/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc

